TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2018
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Cao và ông Hoàng Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch: Không tham gia.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 7 năm 2018. Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX – ST ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Thanh H, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn Tr, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau vào ngày 27/10/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, đặc biệt anh Tuấn nghiện ngập, công việc thất thường, không có thu nhập lại còn phá phách gia đình làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Đến năm 2014 cả hai vợ chồng làm thủ tục đi xuất khẩu tại Liên bang Nga được 11 tháng thì anh T làm thủ tục về nước, lý do anh T ham chơi, không lo công việc ngoài ra còn sử dụng ma tuý bị ông chủ phát hiện và không cho làm, còn chị ở lại tiếp tục lao động cho đến ngày về nước, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian đầu anh T về nước vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc với nhau, nhưng anh T ở trong nước cũng không lo làm ăn, tiếp tục phá phách và xin tiền của chị, xin bạn bè, gia đình chị để sử dụng ma tuý nhưng chị không cho, từ đó chị

và anh ấy cắt đứt liên lạc với nhau. Hiện nay anh T đang bị tạm giam để chờ ngày xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Mộc N, sinh ngày 06/5/2012. Sau khi ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Phía bị đơn trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống như chị H đã trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ của anh T, đến năm 2014 cả hai vợ chồng làm thủ tục đi xuất khẩu tại Liên bang Nga được khoảng 01 năm nhưng do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng bàn bạc cùng nhau về nước và đã mua vé máy bay và ấn định ngày về. Tuy nhiên đến ngày về thì chị H tự ý huỷ vé máy bay và không về nước nữa, vì vậy mâu thuẩn phát sinh từ đó và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, nay chị H làm đơn xin ly hôn anh thì trước đây anh có ý kiến như sau:

- Nếu chị H đồng ý giao con cho anh nuôi thì anh sẻ đồng ý ly hôn.

- Nếu chị H xin nuôi con thì anh sẻ không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên toà anh T có quan điểm là nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H, lý do hiện nay anh đang bị tạm giam để chờ xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" nên không có điều kiện để xây dựng hạnh phúc và khắc phục mâu thuẩn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Mộc N, sinh ngày 06/5/2012 và trước đây anh T xin nuôi con chung và không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên toà anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo nguyên đơn trình bày cuộc sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẩn như đã trình bày ở trên, vợ chồng ly thân nhau đã lâu, trong cuộc sống không ai còn quan tâm đến ai, chứng tỏ giữa hai người không có tiếng nói chung, do mâu thuẩn âm ỉ kéo dài không thể khắc phục để dung hoà và xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa nên chị H mới làm đơn ly hôn anh T, đặc biệt hiện nay anh T đang bị tạm giam để chờ ngày xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", theo lý lịch của anh T thì nhân thân anh T xấu, đã từng bị kết án về các tội "Trộm cắp tài sản" và tội

"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", hơn nữa theo lời khai của anh T xác nhận thì vợ chồng ly thân nhau đã lâu, về yêu cầu ly hôn của chị H thì trước đây anh T đặt điều kiện nếu anh được nuôi con thì anh đồng ý ly hôn, nếu không thì ngược lại, chứng tỏ giữa anh T và chị H không còn tình cảm, nhưng anh T đặt điều kiện như trên để ràng buộc hôn nhân là không đúng. Tại phiên toà chị H kiên quyết xin được ly hôn anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa hai người không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ.

[1.2] Về quan hệ con cái:

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Mộc N, sinh ngày 06/5/2012. Sau khi ly hôn cả anh T và chị H đều có nguyện vọng xin nuôi con chung và không yêu cầu người khác đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa thành niên là của vợ hoặc chồng khi ly hôn, nguyện vọng của các bên như trên là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên hiện nay con đang còn nhỏ cần sự ổn định để học hành và sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết để đảm bảo ổn định tâm sinh lý, phát triển thể chất bình thường, hơn nữa mặc dù trước đây anh T có nguyện vọng xin được nuôi con chung nhưng hiện nay anh đang bị tạm giam để chờ ngày xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" nên không thể có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và vì thế tại phiên toà anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

[1.3] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí vụ kiện: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Lâm Mộc N, sinh ngày 06/5/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Duy T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí: Á*p dụng Điều 147 BLTTDS; điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Đồng Thị Thanh H phải

chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0002812 ngày 21/5/2018, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã Th;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng